UBND THỊ XÃ QUẢNG YÊN
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 1206/QĐ-PGDĐT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2020*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai cấp bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị trường học trực thuộc

## TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-PGDĐT ngày 06/01/2020 của Phòng GD&ĐT Quảng Yên về việc cấp kinh phí thực hiện duy trì bể bơi trong trường học năm 2020,

Xét đề nghị của Kế toán phòng GD&ĐT về việc công khai số liệu phân bổ dự toán kinh phí thực hiện duy trì bể bơi trong trường học năm 2020 cho các đơn vị trường học trực thuộc,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phân bổ cấp bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị trường học trực thuộc.

*(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ văn phòng, kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT./.

**TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
T.X QUẢNG YÊN - T. QUẢNG NINH

**Hoàng Thu Hiền**

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên
Chương: 622

*Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính*

# DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÀY 01/6/2020

*(Kèm theo Quyết định số 1206/QĐ- PGDĐT ngày 01/6/2020 của Phòng GD&ĐT Quảng Yên )*

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

*ĐV tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán chi ngân sách nhà nước | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Phân bổ dự toán chi Thị xã cấp bổ sung năm 2020 | Nguồn không tự chủ | | | |
| | | | Kinh phí bổ sung hóa chất xử lý nước | Dụng cụ phục vụ dạy bơi | Điện, nước phục vụ dạy và học bơi | Trang trí, sửa chữa đường điện, nước phục vụ bể bơi |
| *1* | *2* | *3=4+5+6+7* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **A** | **KHỐI TRƯỜNG HỌC** | **617.500.000** | **101.541.000** | **29.844.000** | **66.060.000** | **313.495.000** |
| **I** | **Khối tiểu học** | **325.317.000** | **53.757.000** | | | **165.000.000** |
| 1 | Trường Tiểu học Liên Vị | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 2 | Trường Tiểu học Hà An | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 3 | Trường Tiểu học Phong Cốc | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 4 | Trường Tiểu học Minh Thành | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 5 | Trường Tiểu học Hiệp Hòa | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 6 | Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 7 | Trường Tiểu học Tiền An | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 8 | Trường Tiểu học Phong Hải | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 9 | Trường Tiểu học Yên Hải | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 10 | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần | 27.156.000 | | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| **II** | **Khối Trung học cơ sở** | **259.059.000** | **41.811.000** | **26.528.000** | **58.720.000** | **132.000.000** |
| 1 | Trường THCS Đông Mai | 27.156.000 | | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 2 | Trường THCS Nam Hòa | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 3 | Trường THCS Lê Quý Đôn | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 4 | Trường THCS Sông Khoai | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 5 | Trường THCS Hoàng Tân | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 6 | Trường THCS Cẩm La | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 7 | Trường THCS Liên Hòa | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| 8 | Trường THCS Tân An | 33.129.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.500.000 |
| **III** | **Khối Tiểu học và THCS** | **33.124.000** | **5.973.000** | **3.316.000** | **7.340.000** | **16.495.000** |
| 1 | Trường TH và THCS Tiền Phong | 33.124.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.495.000 |
| a | Trường Tiểu học Tiền Phong | 33.124.000 | 5.973.000 | 3.316.000 | 7.340.000 | 16.495.000 |